

CTCP THỰC PHẨM SAO TA (FMC)

BÁO CÁO CẬP NHẬT ĐHĐCĐ

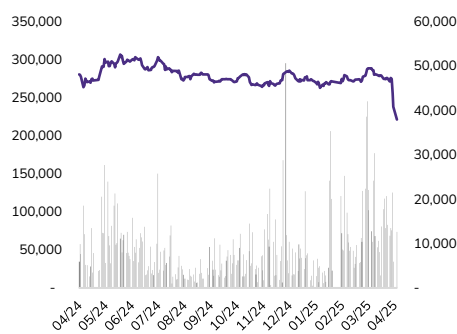
Kiều Thị Thanh Thư

Email: thu.kieuthithanh@abs.vn

THÔNG TIN CƠ BẢN

Ngành	: Thủy sản
Ngày báo cáo	: 21/4/2025
Giá hiện tại (VND/CP)	: 35.500
Vốn hóa (Tỷ VND)	: 2.321
SLCPDLH (CP)	: 65.388.889

DIỄN BIẾN GIÁ



Nguồn: FiinPro, ABS Research

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	2023A	2024A
Tăng trưởng DTT (%)	-10,8%	35,9%
Tăng trưởng LNST (%)	-10,7%	10,7%
Biên LNG (%)	9,7%	10,9%
Biên LNST (%)	5,9%	6,1%
ROA (%)	8,7%	8,6%
ROE (%)	14,0%	14,6%
Nợ vay/VCSH (lần)	0,37	0,37
EPS (VND/CP)	4.222	4.675
BVPS (VND/CP)	31.026	33.151

Kế hoạch lợi nhuận 2025 giảm nhẹ trước rủi ro bão thuế quan

CTCP thực phẩm Sao Ta là một trong 5 doanh nghiệp xuất khẩu tôm lớn nhất của Việt Nam với khả năng tự chủ vùng nuôi lớn. Tính đến đầu năm 2025, diện tích nuôi tôm của FMC đã đạt 540 ha. Tỷ lệ tôm tự nuôi hiện tại đạt khoảng 30%, là mức rất cao trong ngành. FMC tập trung vào tôm chế biến sâu, đạt tiêu chuẩn xuất khẩu vào các thị trường khó tính như Nhật, Mỹ và Châu Âu.

Điểm chính của ĐHĐCĐ ngày 18/04/2025

- Năm 2024, KQKD tăng trưởng mạnh svck và vượt xa kế hoạch đề ra.**
 - Doanh thu thuần năm 2024 đạt 6.913 tỷ VND (250,8 triệu USD), tăng 25% svck và vượt 19% kế hoạch năm 2024. Tôm thành phẩm chế biến đạt 25.833 tấn (+22% svck); tôm thành phẩm tiêu thụ đạt 22.164 tấn (+28% svck); nông sản tiêu thụ 1.309 tấn (-34% svck).
 - Xét về thị trường, thị trường Mỹ hiện chiếm 33% tổng doanh thu, thị trường Nhật Bản chiếm 28%, thị trường Anh và EU chiếm 21% tổng doanh thu.
 - Năm 2024, thị phần tại Nhật có xu hướng giảm nhẹ, còn Mỹ tăng lên do doanh nghiệp nỗ lực duy trì các khách hàng xuất khẩu sang Mỹ.
- Lợi nhuận gộp năm 2024 đạt 10,9%, tăng 1,2% so với năm 2023 nhờ đóng góp lớn của công ty con Khang An. Khang An đã dự trữ được nguyên liệu rất tốt từ tháng 4 đến tháng 8, lúc giá tôm rẻ và nguồn cung dồi dào.
- Doanh thu hoạt động tài chính đạt 112 tỷ đồng (+53,7% svck) do lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái tăng mạnh lên 88,5 tỷ đồng (+70,2% svck), trong khi đó lãi cho vay tăng nhẹ lên 23,6 tỷ đồng (+22,45 svck). Chi phí tài chính giảm 13,4% svck, còn 53,2 tỷ đồng. Trong đó chi phí lãi vay giảm còn 23,2 tỷ đồng (-17,7% svck), chi phí lỗ tỷ giá giảm còn 30 tỷ đồng (-9,6% svck).
- Chi phí bán hàng tăng mạnh 143,9% svck, lên mức 297 tỷ đồng. Trong đó, chi phí vận chuyển tăng lên 163 tỷ đồng (+103,5% svck), FMC tiếp tục trích trước thuế chống bán phá giá 61 tỷ đồng (+45,85 svck), và công ty vẫn chưa được hoàn nhập chi phí thuế này trong năm 2024 (năm 2023 được hoàn nhập 47,8 tỷ đồng).
- LNTT đạt 421,8 tỷ đồng (+38% svck), vượt 32% kế hoạch năm. LNST cổ đông công ty mẹ đạt 305,7 tỷ đồng (+10,7% svck).

KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA FMC Q4/2024 & NĂM 2024

BẢNG KẾT QUẢ KINH DOANH (Tỷ VND)	4Q23	4Q24	%YoY	2023	2024	%YoY
Doanh thu thuần	1.253	1.364	8,9%	5.087	6.913	35,9%
Lợi nhuận gộp	139,9	207,1	48,1%	492,9	751,7	52,5%
<i>Biên lợi nhuận gộp (%)</i>	<i>11,2%</i>	<i>15,2%</i>		<i>9,7%</i>	<i>10,9%</i>	
Chi phí BH & QLDN	-63,2	-69,8	10,4%	-200,8	-388,5	93,5%
<i>Tỷ lệ Chi phí BH & QLDN/DTT</i>	<i>5,0%</i>	<i>5,1%</i>		<i>3,9%</i>	<i>5,6%</i>	
Doanh thu tài chính	19,2	60,1	212,6%	72,9	112,1	53,7%
Chi phí tài chính	-7,4	-7,3	-0,2%	-61,5	-53,2	-13,4%
<i>Chi phí lãi vay</i>	<i>-7,9</i>	<i>-6,8</i>	<i>-13,8%</i>	<i>-28,2</i>	<i>-23,2</i>	<i>-17,8%</i>
Lợi nhuận từ HĐKD	88,5	190,1	114,8%	303,6	422,1	39,0%
Lợi nhuận trước thuế	88,7	190,0	114,3%	304,6	421,8	38,5%
LNST sau lợi ích cổ đông thiểu số	82,3	110,1	33,7%	276,1	305,7	10,7%
<i>Biên lợi nhuận ròng (%)</i>	<i>6,6%</i>	<i>8,1%</i>		<i>5,4%</i>	<i>4,4%</i>	

Nguồn: FiinPro, ABS Research

• Tình hình tài chính năm 2024 vẫn lành mạnh.

- ✓ Lượng tiền và tương đương tiền tăng mạnh lên 1.218 tỷ đồng (+121,8% svck). Lượng tiền tăng nhờ kết quả HĐKD tốt trong năm 2024, cùng với việc doanh nghiệp tích cực thu hồi các khoản phải thu, giảm các khoản phải trả và thu hồi lại tiền cho vay từ PAN.
- ✓ Các khoản phải thu đạt 370,5 tỷ đồng (-24,7% svck). Tuy nhiên phải thu khách hàng tăng 44%, lên 356,9 tỷ đồng. Khoản phải thu về cho vay ngắn hạn 217 tỷ đối với tập đoàn PAN đã được thu hồi trong năm 2024.
- ✓ Nợ vay tăng lên 901,6 tỷ đồng (+9,4% svck), tỷ lệ D/E ở mức an toàn 0,36 lần.
- ✓ Công ty hiện đang phải trích lập dự phòng lớn cho 2 loại thuế: 103 tỷ cho thuế chống bán phá giá và 0,9 tỷ cho thuế chống trợ cấp.

• KQKD Q1/2025.

- ✓ Sao Ta ghi nhận doanh số hợp nhất Q1/2025 đạt 1.990 tỷ đồng (+36,3% svck). Đây cũng là mức doanh số quý 1 cao nhất trong vòng 3 năm (2023 - 2025) của công ty.
- ✓ Lợi nhuận gộp đạt 127,4 tỷ đồng (+32,2% svck). Biên lợi nhuận giảm 0,2% svck, còn 6,4%. Nguyên nhân do giá tôm nguyên liệu ở mức cao.
- ✓ Chi phí bán hàng tăng mạnh lên 88,5 tỷ đồng (+194% svck). Trong đó chi phí vận chuyển tăng mạnh 97%, lên 38,6 tỷ đồng. Trong kỳ công ty tiếp tục phải trích lập thêm 23,8 tỷ đồng chi phí thuế chống bán phá giá và 12,3 tỷ đồng chi phí thuế chống trợ cấp.
- ✓ LNST của cổ đông công ty mẹ đạt 29,6 tỷ đồng (-40,4% svck).

• Dự kiến ảnh hưởng của việc Mỹ áp thuế cao lên hàng thủy sản Việt Nam.

- ✓ Ông Hồ Quốc Lực cho rằng nếu thuế 46% áp cho tất cả các mặt hàng thì sẽ rất đáng ngại. Đặc biệt nếu Việt Nam bị áp thuế 46% còn các nước cạnh tranh trực tiếp chỉ bị khoảng 20%, thì khả năng cao FMC sẽ rút khỏi thị trường này.
- ✓ Nếu mức thuế sau đàm phán ở mức khoảng 23%, và các đối thủ ở mức 20% thì vẫn còn cơ hội cạnh tranh.
- ✓ Mỹ là thị trường có biên lợi nhuận thấp nhất trong các thị trường chính tuy nhiên doanh nghiệp vẫn duy trì đơn hàng sang Mỹ do cần đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, đồng thời giữ nhịp sản xuất liên tục.
- ✓ FMC đã chuẩn bị chuyển hướng từ 5 năm nay, nên sẽ không bị động. Doanh nghiệp đánh giá việc mất thị trường Mỹ cũng không quá đáng ngại, tuy nhiên doanh số năm đầu sẽ giảm và sau đó sẽ tăng từ từ trở lại.

- **Kế hoạch năm 2025:**

- ✓ Tổng doanh thu thuần hợp nhất dự kiến 6.540 tỷ đồng (-5,4% svck); LNTT đạt 420 tỷ đồng (-0,4% svck).
- ✓ Sản lượng tôm chế biến dự kiến đạt 25.000 tấn (-3,2% svck); thành phẩm tôm tiêu thụ đạt 22.000 tấn (-0,7% svck); thành phẩm nông sản tiêu thụ đạt 1.300 tấn (-0,7% svck).
- ✓ Phương án phân phối cổ tức 2024: chi trả cổ tức bằng tiền năm 2024 ở mức 20%.
- ✓ Phương án phân phối cổ tức 2025: dự kiến mức chi trả cổ tức năm 2025 bằng tiền thấp nhất 20%.

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2025 CỦA FMC

Chỉ tiêu	TH 2024	KH 2025	%YOY
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	6.913	6.540	-5,4%
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	421,8	420	-0,4%
Thành phẩm tôm tiêu thụ (tấn)	22.164	22.000	-0,7%
Thành phẩm nông sản tiêu thụ (tấn)	1.309	1.300	-0,7%

Nguồn: FMC, ABS Research

Đánh giá của ABS Research

- Chúng tôi cho rằng năm 2025 sẽ là một năm FMC phải đối mặt với nhiều thách thức khi giá bán hàng, nhu cầu của đối tác, chi phí vận chuyển đều có khả năng sẽ bị ảnh hưởng do những bất ổn mà chính sách thuế của Mỹ mang lại. Tuy nhiên, ảnh hưởng của chính sách thuế của Mỹ đối với FMC sẽ không quá tiêu cực do:
 - ✓ FMC đã đẩy mạnh sản xuất trong Q1/2025. Quý 1/2025, sản lượng tôm thành phẩm chế biến của FMC đạt 5.914 tấn (+41,2% svck), sản lượng tiêu thụ đạt 6.119 tấn (+43,2% svck). Công ty cũng đã xuất trước sang Mỹ để giảm thiểu rủi ro nếu chính sách thuế thay đổi sau 90 ngày.
 - ✓ FMC có thể mạnh cạnh tranh với tôm giá rẻ của Ấn Độ hay Ecuador do sản phẩm của FMC là sản phẩm ở phân khúc cao cấp hơn – sản phẩm chế biến sâu.
 - ✓ Mỹ là thị trường có doanh thu lớn nhưng biên lợi nhuận thấp nhất trong các thị trường, do vậy lợi nhuận của FMC sẽ biến động ít hơn sự sụt giảm doanh số.
 - ✓ FMC có chiến lược đẩy mạnh các thị trường mới như Canada, Úc, vốn có tiêu chuẩn nhập khẩu khắt khe. Với thế mạnh tự chủ vùng nuôi tốt, FMC sẽ có lợi thế để xâm nhập các thị trường này.
 - ✓ Đối với thị trường Nhật: FMC sẽ tăng cường thâm nhập khi doanh nghiệp đã có những thế mạnh sẵn có. Thị trường này ưa thích các sản phẩm chế biến sâu, chế biến cao mà FMC đã và đang sản xuất được.
- Theo kế hoạch của FMC, tổng doanh thu mục tiêu năm 2025 là 6.540 tỷ đồng, LNTT là 420 tỷ đồng, trong đó đóng góp của Khang An là 160 tỷ (giảm 80 tỷ so với năm trước) và công ty mẹ FMC là 260 tỷ đồng (năm 2023 là 207 tỷ đồng). Chúng tôi cho rằng kế hoạch đối với Khang An là đủ thận trọng khi thị trường lớn nhất của Khang An là Mỹ và biên lợi nhuận của Khang An năm nay dự kiến sẽ giảm do không còn nguồn tôm giá rẻ tích trữ như năm ngoái. Đối với FMC, Mỹ là thị trường xuất khẩu lớn thứ hai của FMC, khả năng doanh thu và lợi nhuận của FMC vào thị trường này sẽ giảm đáng kể. Tuy nhiên, hiện công ty đang trích lập dự phòng thuế chống bán phá giá 85 tỷ đồng cho POR 19 với thuế suất 4,58%, nếu thuế chống bán phá giá sau cùng trở về mức gần 0%, doanh nghiệp sẽ có khoản hoàn thuế tương ứng.

Chúng tôi ước tính LNST của FMC theo kế hoạch sẽ đạt 339 tỷ đồng, EPS của công ty trong năm 2025 là 5.184 đồng/cổ phiếu, P/E 2025F ở mức 6,8x lần tại mức giá hiện tại. BVPS năm 2025 dự kiến đạt 36.335 đồng/cổ phiếu, P/B 2025F ở mức 0,97x lần tại mức giá hiện tại.

PHỤ LỤC MỘT SỐ CHỈ TIÊU CỦA FMC

Báo cáo KQ HĐKD (Tỷ đồng)	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	5.199	5.702	5.087	6.913
Giá vốn hàng bán	(4.670)	(5.076)	(4.594)	(6.161)
Lợi nhuận gộp	529	626	493	752
Doanh thu tài chính	54	71	73	112
Chi phí tài chính	(33)	(54)	(61)	(53)
Chi phí bán hàng	(197)	(226)	(122)	(297)
Chi phí QLDN	(67)	(93)	(79)	(91)
Lợi nhuận từ HĐKD	286	324	304	422
Lãi/lỗ khác	(0)	(0,5)	(0,0)	(0,6)
Lợi nhuận trước thuế	289	328	305	422
Lợi nhuận sau thuế	287	321	302	423
LNST cổ đông Công ty mẹ	267	309	276	306

Báo cáo LCTT (Tỷ đồng)	2021	2022	2023	2024
LCT thuần từ HĐKD	178	435	207	601
LCT thuần từ Hoạt động đầu tư	(233)	(515)	(505)	88
LCT thuần từ Hoạt động tài chính	555	(101)	163	(72)
LCT thuần trong kỳ	501	(181)	(135)	617
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	268	770	585	452
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	770	585	452	1.077

Chỉ số tài chính	2021	2022	2023	2024
Khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán hiện hành	3,02	2,18	1,91	2,04
Khả năng thanh toán nhanh	1,61	1,00	0,85	1,12
Khả năng thanh toán tiền mặt	1,08	0,68	0,41	0,83
Khả năng thanh toán lãi vay	18,32	17,78	10,35	15,66
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,73	0,71	0,67	0,65
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,27	0,29	0,33	0,35
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu (D/E)	0,21	0,24	0,37	0,37

Chỉ số hiệu suất hoạt động				
Số ngày phải thu	21,79	17,50	17,50	15,97
Số ngày phải trả	5,81	6,50	7,51	6,64
Số ngày tồn kho	60,54	67,23	76,62	59,30
Khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	10,2%	11,0%	9,7%	10,9%
Tỷ suất lợi nhuận HĐKD	5,5%	5,7%	6,0%	6,1%
Tỷ suất LNST của cổ đông Công ty mẹ	5,1%	5,4%	5,4%	4,4%
ROE	20,0%	16,7%	14,0%	14,6%
ROA	12,1%	10,9%	8,7%	8,6%
ROIC	18,3%	16,4%	12,5%	14,9%

Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)	2021	2022	2023	2024
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	770	585	452	1.077
+ Đầu tư ngắn hạn	25	11	97	140
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	377	280	492	370
+ Hàng tồn kho	941	929	1.000	1.002
+ Tài sản ngắn hạn khác	38	72	86	51
Tài sản ngắn hạn	2.150	1.877	2.127	2.641
+ Các khoản phải thu dài hạn	4	0	0	0
+ Tài sản cố định	263	419	848	768
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dở dang dài hạn	188	446	96	91
+ Đầu tư dài hạn	0	0	0	0
+ Tài sản dài hạn khác	94	248	285	275
Tài sản dài hạn	550	1.112	1.229	1.134

Tổng Tài sản	2.700	2.989	3.356	3.775
+ Vay ngắn hạn	415	515	824	902
+ Phải trả người bán	98	83	106	118
+ Nợ ngắn hạn khác	200	264	181	278
Nợ ngắn hạn	713	863	1.112	1.297
+ Vay dài hạn	0	0	0	0
+ Các khoản phải trả dài hạn khác	10	10	10	12
Nợ dài hạn	10	10	10	12
Tổng nợ phải trả	723	873	1.122	1.309
+ Vốn cổ phần	654	654	654	654
+ Thặng dư vốn cổ phần	594	594	594	594
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	534	676	781	920
+ Quỹ khác	0	0	0	0
Vốn chủ sở hữu	1.977	2.116	2.234	2.466
Tổng cộng nguồn vốn	2.700	2.989	3.356	3.775

Tỷ lệ tăng trưởng (%)	2021	2022	2023	2024
Tăng trưởng doanh thu	17,8%	9,7%	-10,8%	35,9%
Tăng trưởng LNNT	22,2%	13,7%	-7,3%	38,5%
Tăng trưởng LNST Cổ đông Công ty mẹ	18,2%	15,7%	-10,7%	10,7%
Tăng trưởng EPS	-11,4%	15,7%	-10,7%	10,7%
Tăng trưởng VCSH	33,3%	0,0%	0,0%	0,0%
Tăng trưởng Tổng tài sản	57,8%	10,7%	12,3%	12,5%

Định giá (lần)	2021	2022	2023	2024
P/E	8,91	9,12	10,87	7,27
P/B	1,34	1,46	1,48	1,03
EV/EBITDA	6,38	7,42	8,02	4,29
EV/Sales	0,43	0,52	0,70	0,34
EPS (đồng/cp)	4.084	4.726	4.222	4.675
BVPS (đồng/cp)	27.252	29.423	31.026	33.151

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

Khuyến nghị cổ phiếu

MUA	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15%
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5%
BÁN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

Thông tin liên hệ

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: www.abs.vn

Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: abs-research@abs.vn

Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc TTPT

Email: linh.ngthithuy@abs.vn

Dầu khí, Điện, Hóa chất

Lê Thị Kim Huệ - Phó Giám đốc

Email: hue.lethikim@abs.vn

PTKT và Chiến lược thị trường

Đặng Xuân Lưu - Giám đốc

Email: luu.dangxuan@abs.vn

Vĩ mô, Tài chính

Nguyễn Xuân Hải - Chuyên viên

Email: hai.nguyenxuan@abs.vn

Bất động sản, Xây dựng, VLXD

Phạm Hồng Trường - Chuyên viên

Email: truong.phamhong@abs.vn

Hàng và Dịch vụ Công nghiệp

Nguyễn Thị Kỳ Duyên - Chuyên viên

Email: duyen.nguyenthiky@abs.vn

Hàng xuất khẩu, Công nghệ & Viễn thông

Bùi Minh Anh - Chuyên viên

Email: anh.buiminhh@abs.vn

Bán lẻ, Hàng tiêu dùng

Kiều Thị Thanh Thư - Chuyên viên

Email: thu.kieuthithanh@abs.vn



Tư hào
**NHẬN CÚ ĐÚP
GIẢI THƯỞNG**



**BEST NEW STOCK TRADING APP
ABS INVEST - VIET NAM 2024**

ỨNG DỤNG GIAO DỊCH CỔ PHIẾU MỚI
TỐT NHẤT VIỆT NAM



**BEST SECURITIES HOUSE FOR RESEARCH
IN VIET NAM 2024**

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT
VIỆT NAM VỀ PHÂN TÍCH ĐẦU TƯ



Trải nghiệm ngay
ABS Invest tại đây